

PHIẾU BÀI TẬP - BẢNG CHIA 5

(Họ và tên: Lớp:)

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1. Có 40 chiếc kẹo chia cho các em nhỏ, mỗi em 5 chiếc. Hỏi có bao nhiêu em được chia kẹo?

- A. 6 em B. 7 em C. 8 em D. 9 em

Câu 2. Điền dấu (>, <, =) thích hợp: $25 : 5$ $10 : 2$

- A. > B. < C. = D. Khác

Câu 3. Thương của 30 và 5 là:

- A. 5 B. 6 C. 7 D. 25

Câu 4. 50 kg gạo chia đều vào 5 bao. Mỗi bao nặng:

- A. 5 kg B. 10 kg C. 45 kg D. 25 kg

Câu 5. Dãy số đếm lùi: 45, 40, 35,,, 20. Hai số cần điền là:

- A. 30, 25 B. 25, 30 C. 34, 33 D. 30, 15

Câu 6. Phép tính nào có kết quả bằng 5?

- A. $35 : 5$ B. $20 : 5$ C. $25 : 5$ D. $40 : 5$

Câu 7. Số? $15 : 5 = ? : 2$

- A. 1 B. 3 C. 6 D. 10

II. PHẦN TỰ LUẬN

Bài 1. Tính nhẩm:

$5 : 5 =$

$25 : 5 =$

$40 : 5 =$

$35 : 5 =$

$45 : 5 =$

$15 : 5 =$

Bài 2. Tính (theo mẫu):

$20 \text{ cm} : 5 =$

$45 \text{ kg} : 5 =$

$10 \text{ l} : 5 =$

$50 \text{ dm} : 5 =$

$30 \text{ kg} : 5 =$

$35 \text{ l} : 5 =$

Bài 3. Điền số thích hợp vào ô trống:

$\square : 5 = 5$

$\square : 5 = 2$

$\square : 5 = 8$

$\square : 5 = 6$

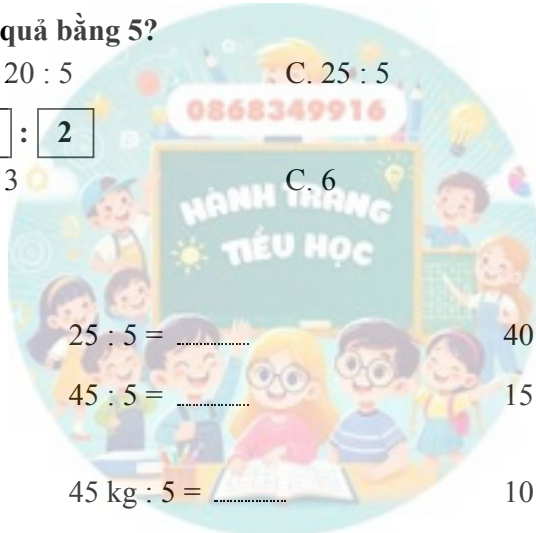
$\square : 5 = 10$

$\square : 5 = 9$

Bài 4. Tính giá trị biểu thức:

$30 : 5 + 24 =$ +
=

$50 : 5 - 6 =$ -
=



Bài 5. Đọc bài toán rồi viết phép tính thích hợp:

a. Lớp 2A có 35 học sinh, xếp thành 5 hàng dọc đều nhau. Hỏi mỗi hàng có bao nhiêu học sinh?

Trả lời: Mỗi hàng có học sinh.

Phép chia: : =

b. Cô giáo có 45 quyển vở, cô thưởng đều cho 5 bạn có thành tích tốt nhất. Hỏi mỗi bạn nhận được mấy quyển vở?

Trả lời: Mỗi bạn nhận được quyển vở.

Phép chia: : =

c. Một thanh gỗ dài 50 dm, bác thợ mộc cưa thanh gỗ đó thành 5 đoạn bằng nhau. Hỏi mỗi đoạn gỗ dài bao nhiêu đề-xi-mét?

Trả lời: Mỗi đoạn gỗ dài dm.

Phép chia: : =

Bài 6. Quan sát tranh và giải bài toán:

Mẹ mua về 20 chiếc bánh quy và chia đều vào 5 chiếc đĩa. Hỏi mỗi đĩa có bao nhiêu chiếc bánh quy?

Bài giải:

.....
.....
.....

